

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 10/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Văn Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T - Sinh ngày: 27/9/1981

Nơi cư trú: Thôn 2, xã V, huyện L, tỉnh Th

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12

Dân tộc: Kinh ; Giới tính : Nam ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Th - Đã chết và bà: Lê Thị D - Sinh năm 1953.

Có vợ là: Phạm Thị H - sinh năm 1989. Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện L, tỉnh Th.

Con: có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 04/9/2018 bị công an huyện L ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 30/9/2018 bị UBND x. V xử phạt vi phạm hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

theo Nghị định 111 của Chính phủ.

Nhân thân: Ngày 30/10/2018 bị công an huyện Vĩnh Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2018 đến ngày 15/10/2018 chuyển tạm giam bằng Lệnh tạm giam số 14/CSĐT ngày 15/10/2018 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc, hiện bị cáo đang bị tạm giam theo quyết định tạm giam số 22/2018/HSST- QĐ ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn M - Sinh ngày: 07/8/1991

Tên gọi khác: Nguyễn Quang M

Nơi cư trú: Thôn 8, xã V, huyện V, Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12

Dân tộc: Kinh ;Giới tính : Nam ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn L - Sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H - Đã chết
Hiện bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Ngày 19/10/2009 bị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục tại Hoàng Cát - Quảng Trị về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” đến tháng 11/2010 được miễn giảm trở về địa phương.

Tiền án: có 03 tiền án là tháng 4/2011 phạm tội “Cướp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 3 năm tù theo bản án số 02/2012/HSST ngày 10/02/2012. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Tháng 6/2014 phạm tội “trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 25/2014/HSST ngày 19/11/2014. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Tháng 3/2017 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 08 tháng tù theo bản án số 22/2017/HSST ngày 29/6/2017. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2018 đến ngày 15/10/2018 chuyển tạm giam bằng Lệnh tạm giam số 13/CSĐT ngày 15/10/2018 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc, hiện bị cáo đang bị tạm giam theo quyết định tạm giam số 23/2018/HSST- QĐ ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Chị Triệu Thị H

Nơi cư trú: Thôn P, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Nguyên đơn dân sự:**

Chị Trần Thị T – Sinh năm 1971

Nơi cư trú: Khu 2 thị trấn V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng**

Anh Nguyễn Văn A – Sinh năm 1969

Nơi cư trú; thụn 2, xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2018 Nguyễn Văn M, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda- Dream (không rõ BKS) đến nhà Nguyễn Văn T chơi. Quá trình ngồi nói chuyện T đã rủ M đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng, M đồng ý. Cả hai dùng xe mô tô Honda- Dream do M điều khiển đi lên hướng thôn Thổ Phụ, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc để tìm nhà ai có sơ hở về tài sản để trộm cắp. Khi đi đến thôn Thổ Phụ, xã Vĩnh Tiến, T quan sát thấy một ngôi nhà hai tầng màu xanh, cổng sắt màu trắng khóa cửa, có giàn phong lan treo trước sân nhà nên T bảo M dừng xe lại và bảo “nhà này có nhiều phong lan này” (ý là bảo M vào nhà này để trộm cắp phong lan). M dừng xe lại, cả hai cùng quan sát xung quanh không thấy ai, T bảo M trèo vào lấy trộm phong lan còn T ở ngoài canh giới. M liền trèo lên bờ tường rào sắt, bẻ cong lưới sắt B40 rồi dùng tay vớ vào trong lấy 02 (hai) giò phong lan ngay ở sát bờ tường rào gồm: 01(một) giò phong lan Hoàng Lạp 03 giò tổng 23 thân hoa có chiều dài từ 25-30cm được trồng trên mặt thớt gỗ nhãn kích thước 40x25x03cm; 01(một) giò phong lan Kiều Vàng 04 giò tổng 26 thân hoa có chiều dài từ 30-35cm được ghép trên mặt thớt gỗ nhãn kích thước 40x30x03cm đưa xuống cho T cầm. Sau đó M trèo xuống điều khiển xe mô tô chở T đi tìm người mua để bán lấy tiền. Khi đi về đến thôn 2, xã Vĩnh Thành thì cả hai thấy anh Nguyễn Văn A đang đứng trước cửa nhà, T hỏi anh A có mua phong lan không thì anh A đồng ý mua hai giò phong lan với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và anh Anh đưa tiền cho T. Quá trình mua bán T và M không nói cho anh Anh biết đó là phong lan do trộm cắp mà có. Sau khi bán được hai giò phong lan cho anh Anh, T lại nảy sinh ý định quay lại nhà có phong Lan mà các bị cáo mới trộm cắp để tiếp tục trộm cắp tài sản nên T bảo M chở T quay trở lại để thực hiện việc trộm cắp lần hai. Lần này T vẫn bảo M trèo vào trộm cắp còn mình đứng ngoài canh giới. M trèo qua bờ tường rào sắt vào trong sân lấy 03 giò phong lan gồm: 01 (một) giò phong lan Long Tu 51 thân hoa dài khoảng 60cm được ghép trên thân gỗ kích thước 80x40cm; 01 (một) giò phong lan Phi Diệp

gồm 08 thân dài khoảng 1m, 03 thân dài khoảng 60cm, 15 ngọn có chiều dài từ 20x30cm, 08 ki dài 8cm, được ghép trên thân gỗ nhãn trụ tròn dài 50cm, đường kính dài 15cm; 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 02 thân dài khoảng 1m, 07 thân dài khoảng 20cm được ghép trên mặt thót gỗ nhãn kích thước 30x20x03cm, rồi treo tường ra ngoài đưa cho T. Sau đó M chờ T tiếp tục đi tìm người tiêu thụ. T bảo M đi đến nhà chị Trần Thị T, SN 1971 ở khu 2 thị trấn Vĩnh Lộc để hỏi bán. Chị T đã đồng ý mua ba giò phong lan với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và chị T đưa tiền cho M. Quá trình mua bán T và M không nói cho chị T biết đó là phong lan do trộm cắp mà có. Tổng số tiền bán 5 giò phong lan trộm cắp được là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) M cầm số tiền 1.000.000đ, T cầm số tiền 800.000đ, Số tiền đó cả hai đã tiêu sài cá nhân hết. Đến chiều cùng ngày biết không thể trốn tránh được hành vi vi phạm của mình Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T đã đến Công an Vĩnh Lộc xin đầu thú.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Chiều ngày 10/10/2018 anh Anh và chị T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT các giò phong lan đã mua của Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn T.

Ngày 11/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Lộc đã ra yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị tài sản trộm cắp là 05(năm) giò phong lan của chị Triệu Thị H. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/2018/KL- HĐ ĐGTS ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc kết luận: 01(một) giò phong lan Hoàng Lạp có giá trị 200.000đ; 01(một) giò phong lan Kiều Vàng có giá trị 300.000đ; 01 (một) giò phong lan Long Tu có giá trị 1.600.000đ; 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 08 thân dài khoảng 1m, 03 thân dài khoảng 60cm, 15 ngọn có chiều dài từ 20x30cm, 08 ki dài 8cm, được ghép trên thân gỗ nhãn trụ tròn dài 50cm, đường kính dài 15cm có giá trị 6.400.000đ; 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 02 thân dài khoảng 1m, 07 thân dài khoảng 20cm được ghép trên mặt thót gỗ nhãn kích thước 30x20x03cm có giá trị 1.500.000đ. Tổng tài sản bị xâm phạm định giá là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Về các vật chứng trong vụ án Cơ quan CSĐT đã xử lý như sau:

Đối với 05(năm) giò phong lan gồm:

- 01(một) giò phong lan Hoàng Lạp 03 giò tổng 23 thân hoa có chiều dài từ 25-30cm được trồng trên mặt thót gỗ nhãn kích thước 40x25x03cm;

- 01(một) giò phong lan Kiều Vàng 04 giò tổng 26 thân hoa có chiều dài từ 30-35cm được ghép trên mặt thót gỗ nhãn kích thước 40x30x03cm;

- 01 (một) giò phong lan Long Tu 51 thân hoa dài khoảng 60cm được ghép trên thân gỗ kích thước 80x40cm;

- 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 08 thân dài khoảng 1m, 03 thân dài khoảng 60cm, 15 ngọn có chiều dài từ 20x30cm, 08 ki dài 8cm, được ghép trên thân gỗ nhãn trụ tròn dài 50cm, đường kính dài 15cm;

- 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 02 thân dài khoảng 1m, 07 thân dài khoảng 20cm được ghép trên mặt thớt gỗ nhãn kích thước 30x20x03cm

Cơ quan CSĐT đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Triệu Thị H.

Đối với chiếc xe máy Honda- Dream các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp được Nguyễn Văn M khai mượn của một người bạn tên T thường gọi là T cày ở huyện Hà Trung. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người có tên T cày là ai, do đó cũng không xác định được chiếc xe các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên không xử lý được.

Đối với chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn A là những người đã mua lại các giò phong lan của M và T trộm cắp nhưng quá trình điều tra không chứng minh được chị T và anh A biết đó là phong lan do M và T trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý về hình sự.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Triệu Thị H đã nhận lại 05 giò phong lan bị mất, chị H không có yêu cầu gì. Anh Nguyễn Văn A không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã mua phong lan là 300.000đ. Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền đã mua 03 giò phong lan là 1.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn M từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 1.500.000đ cho chị Trần Thị T.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đó là: Vào sáng ngày 10/10/2018 các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của gia đình chị Triệu Thị H trong việc trông coi, quản lý tài sản đã lén lút trộm cắp tài sản có tổng trị giá 10.000.000 đ (Mười triệu đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Trong buổi sáng ngày 10/10/2018, bị cáo Nguyễn Văn M đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản với giá trị tài sản bị trộm cắp lần lượt là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), do trước đó bị cáo đã ba lần phạm tội chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự và phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm nên áp dụng điểm g khoản 2 điều 173. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

. [3] Xét về tính chất vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M đã lợi dụng sơ hở của gia đình chị Triệu Thị H lén lút trộm cắp tài sản tổng trị giá 10.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần lên một mức án phù hợp để giáo dục riêng mỗi bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Văn M là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là người chia tiền sau khi bán tài sản trộm cắp, do đó vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn M:

Trong buổi sáng ngày 10/10/2018, bị cáo Nguyễn Văn M đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản với giá trị tài sản bị trộm cắp lần lượt là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), do trước đó bị cáo đã ba lần phạm tội chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Ngày 19/10/2009 bị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục tại Hoàng Cát- Quảng Trị về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” đến tháng 11/2010 được miễn giảm trở về địa phương.

Tiền án: có 03 tiền án là tháng 4/2011 phạm tội “Cướp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 3 năm tù theo bản án số 02/2012/HSST ngày 10/02/2012. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Tháng 6/2014 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 25/2014/HSST ngày 19/11/2014. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Tháng 3/2017 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xử phạt 08 tháng tù theo bản án số 22/2017/HSST ngày 29/6/2017. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

- Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tiền sự: Ngày 04/9/2018 bị công an huyện Vĩnh Lộc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 30/9/2018 bị UBND xã Vĩnh Thành xử phạt vi phạm hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định 111 của Chính phủ.

Nhân thân: Ngày 30/10/2018 bị công an huyện Vĩnh Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T đã chủ động đầu thú hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/10/2018, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có mẹ được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến, Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

-Đối với bị cáo bị cáo Nguyễn Văn M đã chủ động đầu thú hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự,

[7] Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của của Bộ Luật hình Sự. Bị cáo Nguyễn Văn M có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự nhưng các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo M phạm tội phạm tội 2 lần nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[8] Về vật chứng:

- 01(một) giò phong lan Hoàng Lạp 03 giò tổng 23 thân hoa có chiều dài từ 25-30cm được trồng trên mặt thớt gỗ nhân kích thước 40x25x03cm;

- 01(một) giò phong lan Kiều Vàng 04 giò tổng 26 thân hoa có chiều dài từ 30-35cm được ghép trên mặt thớt gỗ nhân kích thước 40x30x03cm;

- 01 (một) giò phong lan Long Tu 51 thân hoa dài khoảng 60cm được ghép trên thân gỗ kích thước 80x40cm;

- 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 08 thân dài khoảng 1m, 03 thân dài khoảng 60cm, 15 ngọn có chiều dài từ 20x30cm, 08 ki dài 8cm, được ghép trên thân gỗ nhân trụ tròn dài 50cm, đường kính dài 15cm;

- 01 (một) giò phong lan Phi Điệp gồm 02 thân dài khoảng 1m, 07 thân dài khoảng 20cm được ghép trên mặt thớt gỗ nhân kích thước 30x20x03cm.

Cơ quan CSĐT đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Triệu Thị Hạnh là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp chị Triệu Thị Hạnh không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Anh Nguyễn Văn Anh không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã mua phong lan là

300.000đ nên không xem xét. Chị Trần Thị Thủy có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 1.500.000đ đã mua 03 giỏ phong lan. Yêu cầu của chị T là có cơ sở nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền trên cho chị Trần Thị Thủy là phù hợp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì. Nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo là phù hợp.

[11] Đối với chiếc xe máy Honda- Dream các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp được, Nguyễn Văn M khai mượn của một người bạn tên T thường gọi là T cày ở Hà Trung. Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người có tên T cày là ai, do đó cũng không xác định được chiếc xe các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tự tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2018.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tự tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phải liên đới trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chia phần mỗi bị cáo phải trả cho chị Trần Thị T số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M. Vắng mặt nguyên đơn dân sự chị Trần Thị T, bị hại chị Triệu Thị H.

Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự chị Trần Thị T, bị hại chị Triệu Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THA dân sự H. Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

